

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẠM TẤU
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 06-02-2024.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Giàng A Dì. 2. Ông Trần B Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trạ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạ

Ngày 06/02/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạ

1. **Nguyên đơn:** Chị Thào Thị M, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Thôn PH, xã PH, huyện TT, tỉnh Yên Bái; "Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt".

2. **Bị đơn:** Anh Vàng A P, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Thôn PH, xã PH, huyện TT, tỉnh Yên Bái; "Vắng mặt không có lý do".

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thào Thị M trình bày: Chị và anh Vàng A P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng kết hôn vào ngày 07/12/2017 tại ủy ban nhân dân xã PH, huyện TT, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ anh P tại thôn PH, xã PH, huyện TT, tỉnh Yên Bái. Đến năm 2010 thì vợ chồng ra ở riêng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P nghiện ma túy không chịu làm ăn, gia đình con đông và còn nhỏ, chỉ một mình chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, anh P không giúp đỡ được gì cho gia đình. Vì nghiện, không có tiền có lần anh P đã lấy tài sản của gia đình bán đi để mua ma túy sử dụng. Từ đó, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn giữa chị M và anh P đã được gia

đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P đồng thời chị cũng đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Về con chung: Chị và anh P có 5 con chung là Vàng A P1, sinh ngày 22/8/2010; Vàng A L, sinh ngày 09/03/2012; Vàng A B, sinh ngày 24/11/2013; Vàng A T, sinh ngày 02/8/2017 và Vàng Thị D, sinh ngày 04/12/2022. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng 05 con chung và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Vàng A P sẽ tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn là anh Vàng A P:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần, cụ thể vào các ngày 29/11/2023 và ngày 08/12/2023 để anh P trình bày ý kiến và tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với yêu cầu của chị M. Tuy nhiên anh P đều vắng mặt và không có ý kiến gì. Tòa án đã tiến hành xác minh và tổng đạt trực tiếp các thông báo, giấy triệu tập và quyết định cho bố đẻ của anh P là ông Vàng A S theo đúng quy định của luật tố tụng dân sự, nhưng anh P cố tình không đến Tòa án để giải quyết. Hiện anh P có hộ khẩu và có mặt tại nơi cư trú. Tuy nhiên qua xác minh tại địa phương nơi anh P sinh sống, xác định anh P là người nghiện ma túy, không thường xuyên có mặt ở nhà mà thường lang thang đến tối mới về nhà ngủ.

Ngày 12/12/2023 Tòa án tiến hành lấy lời khai của bố đẻ của anh P là ông Vàng A S, ông S trình bày: Tình trạng hôn nhân của anh P và chị M phát sinh mâu thuẫn từ khi anh P nghiện ma túy cách đây được 4 năm, anh P không tập trung làm ăn, chăm lo cho gia đình nên chị M không muốn chung sống nữa. Từ tháng 4/2023 chị M bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã Pá Lau, thỉnh thoảng có về thăm con nhưng hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh P thường đi lang thang đến tối mới về nhà ngủ. Gia đình đã hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh P trốn tránh không hợp tác. Các văn bản thông báo, giấy triệu tập của Tòa án ông trực tiếp thông báo cho anh P nhưng anh P không trả lời và cố tình trốn tránh không đến Tòa án để làm việc.

Tại biên bản xác minh ngày 12/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu với ông Sùng A T - Trưởng thôn PH, xã PH, huyện TT có nội dung: Do anh P nghiện ma túy được khoảng 3-4 năm, nên giữa chị M và anh P đã xảy ra mâu thuẫn, Chị M không muốn chung sống với anh P nữa. Chị M đã bỏ về nhà em trai tại thôn PL, xã PL, huyện TT từ tháng 04/2023. Mâu thuẫn vợ chồng được hai bên gia đình hòa giải nhưng anh P không hợp tác, luôn trốn tránh. Các con của chị M và anh P đều đi học, ăn ngủ tại trường, cuối tuần chị M đón các con về xã Pá Lau, anh P không quan tâm chăm sóc gì. Anh P là người nghiện ma túy thường xuyên đi lang thang vắng mặt cả ngày, tối mới về nhà ngủ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/12/2023, các con chung trên 7 tuổi của anh P và chị M là Vàng A P1, Vàng A L và Vàng A B đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng, chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ, là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thảo Thị M, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho chị Thảo Thị M được ly hôn anh Vàng A P. Về con chung: Giao các con Vàng A P1, Vàng A L, Vàng A B, Vàng A T và Vàng Thị D cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không phải xem xét; về án phí chị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, do bị đơn Vàng A P có hộ khẩu thường trú tại thôn PH, xã PH, huyện TT căn cứ vào quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 BLTTDS. Đối với bị đơn: Việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án là hợp lệ theo quy định tại các Điều 172, 173, 174, khoản 5 Điều 177 của BLTTDS. Tòa án đã triệu tập anh P đến lần thứ hai mà anh vẫn vắng mặt không có lý do và không có chứng cứ cho rằng có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa lần thứ nhất (ngày 25/01/2024) bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo khoản 1 Điều 227 BLTTDS. Tại phiên tòa lần thứ hai (ngày 06/02/2024) bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn do có đơn đề nghị và bị đơn do không có yêu cầu phản tố.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh P kết hôn trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 07/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện TT, tỉnh Yên Bái nên là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống anh chị nảy sinh mâu thuẫn, do anh P chơi bời, nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Từ đầu năm 2023 anh chị đã sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, gia đình cũng tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng anh P không hợp tác. Do đó xác định tình cảm vợ chồng của anh chị không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của chị M là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh P.

[4] Về con chung: Chị Thảo Thị M và anh Vàng A P có 5 con chung là Vàng A P1, sinh ngày 22/8/2010; Vàng A L, sinh ngày 09/3/2012; Vàng A B, sinh ngày 24/11/2013; Vàng A T, sinh ngày 02/8/2017 và Vàng Thị D, sinh ngày 04/12/2022. Trong quá trình giải quyết vụ án chị M có nguyện vọng sau khi ly hôn được quyền trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 05 con chung và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy chị Thảo Thị M làm nghề trồng trọt về cơ bản đủ ăn và đủ điều kiện để nuôi dạy các con, trong cuộc sống chị luôn chấp hành tốt các quy định của Nhà nước và địa phương, không vi phạm gì về đạo đức; Các cháu Vàng A B, Vàng A P1 và Vàng A L đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, vì mẹ cháu quan tâm chăm sóc đến các cháu. Đối với anh P qua xác minh tại địa phương được biết anh là người nghiện ma túy, thường xuyên lang thang không có mặt ở nhà, các con đi học đến cuối tuần mới về tuy nhiên anh P cũng không quan tâm, chăm sóc. Do đó Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao các con cho chị M nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Việc giao cho anh P nuôi dưỡng con chung sẽ không đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có và không yêu cầu gì.

[6] Về án phí: Chị M chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, Điều 262, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thảo Thị M, xử cho chị Thảo Thị M ly hôn anh Vàng A P.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Thảo Thị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 05 con chung là Vàng A P1, sinh ngày 22/8/2010; Vàng A L, sinh ngày 09/03/2012; Vàng A B, sinh ngày 24/11/2013; Vàng A T, sinh ngày 02/8/2017 và Vàng Thị D, sinh ngày 04/12/2022. Anh Vàng A P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Thảo Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0000452 ngày 23-11-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Chị M đã nộp đủ án phí. Anh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- Chi cục THADS huyện Trạm Tấu;
- UBND xã PH;
- Các đương sự;
- Lưu Hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Hà